ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2024/KH-UBND	*Vĩnh An, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh An

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP); Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 30/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

Căn cứ Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Đảng ủy xã Vĩnh An về phương hướng, nhiệm vụ chính trị năm 2026.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Vĩnh An ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025[1] để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn xã.

[1] Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030[2]để làm cơ sở xây dựng các chính sách giảm nghèo và các chính sách khác có liên quan cho năm 2027 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, minh bạch. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và sự tham gia của người dân, nhằm xác định đúng đối tượng.

- Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của nhân dân, tuyệt đối không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng thời đảm bảo tổng hợp báo cáo kết quả đúng tiến độ.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025:

1.1. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

a) Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

- Tiêu chí thu nhập:

+ Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

+ Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

+ Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

+ Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

b) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025

- Chuẩn hộ nghèo

+ Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

+ Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

---

[2] Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030.

- Chuẩn hộ cận nghèo

+ Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

+ Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Phương pháp rà soát:

a) Phương pháp rà soát:

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

b) Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

- Khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

c) Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Hộ nghèo: hộ có điểm A $\leq$ 175 điểm và điểm B $\geq$ 30 điểm ở khu vực thành thị hoặc có điểm A $\leq$ 140 điểm và điểm B $\geq$ 30 điểm ở khu vực nông thôn;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm A $\leq$ 175 điểm và điểm B $<$ 30 điểm ở khu vực thành thị hoặc có điểm A $\leq$ 140 điểm và điểm B $<$ 30 điểm ở khu vực nông thôn.

1.3. Quy trình rà soát định kỳ

a) Thời gian rà soát: thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.

b) Các bước rà soát: gồm 6 bước:

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3: Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng ấp - chủ trì họp, Bí thư Chi bộ ấp, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại bước 2, bước 3.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại trụ sở ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại tại trụ sở ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5: Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp

Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

1.4. Chỉ tiêu thực hiện:

- Hiện trạng số hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã 253/6222 hộ tỷ lệ 4,06%. Trong đó:

+ Tổng số hộ nghèo năm 2025: 92/6.222 hộ tỷ lệ 1,48%

+ Tổng số hộ cận nghèo năm 2025: 161/6.222 hộ tỷ lệ 2,59%

- Thực hiện chỉ tiêu thoát nghèo, cận nghèo năm 2026: 63/6222 hộ tỷ lệ 1%

- Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2026: 190/6222 hộ tỷ lệ 3,05%.

Stt	Ấp	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
		Đầu kỳ	Thoát	Đến cuối năm	Đầu kỳ	Thoát	Đến cuối năm
1	Vĩnh Phước	6	0	6	18	7	11
2	Vĩnh Lộc	8	0	8	32	10	22
3	Vĩnh Thọ	17	0	17	10	8	2
4	Phước Thành	10	0	10	11	6	5
5	Vĩnh Quới	17	0	17	25	10	15
6	Vĩnh Thành	11	0	11	37	10	27
7	Phú Thạnh	11	0	11	15	6	9
8	Tân Lợi	12	0	12	13	6	7
Tổng cộng:		92 (1,48%)	0 (0%)	92 (1,48%)	161 (2,59%)	63 (1,01%)	98 (1,58%)

** Lưu ý: Đây là chỉ tiêu giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2026 nếu có phát sinh thì số liệu vẫn phải đảm bảo theo chỉ tiêu.*

2. Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

2.1. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

a) Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030:

- Tiêu chí thu nhập:

+ Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng.

+ Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Chiều thiếu hụt việc làm gồm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

+ Chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng.

+ Chiều thiếu hụt giáo dục gồm: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

+ Chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

+ Chiều thiếu hụt thông tin gồm: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

+ Chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

b) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2027-2030:

- Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

2.2. Phương pháp rà soát:

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

b) Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.

c) Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

d) Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

2.3. Quy trình rà soát định kỳ hằng năm

a) Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

b) Các bước rà soát: Gồm 5 bước:

Bước 1: Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát;

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng ấp (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng ấp hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lưu.

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở ấp, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại trụ sở ấp.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm

theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31/12 hằng năm. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại trụ sở ấp.

2.4. Quy trình rà soát trong năm

a) Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

b) Các bước rà soát:

Bước 1: Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Trên cơ sở đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm của hộ gia đình theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu A để rà soát, lập danh sách hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và hộ có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09; lập Danh sách rà soát hộ thoát nghèo đối với hộ có đề nghị rà soát, công nhận hộ thoát nghèo.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến, niêm yết, thông báo công khai

Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát theo quy định tại khoản 4 Điều 5; niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, phân loại theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Bước 4: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đột xuất (xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng; phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12) thì thời gian rà soát, danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Các bước rà soát, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ MẪU, BIỂU TỔNG HỢP

1. Chế độ báo cáo kết quả rà soát trong năm

a) Trường hợp có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh khi rà soát trong năm: trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát. Trước ngày 10 hằng tháng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, gửi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT thì báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống **https://csdlhn.mae.gov.vn.**

2. Chế độ báo cáo kết quả rà soát định kỳ hằng năm 2026

2.1. Đối với Ban Nhân dân các ấp

a) Trước ngày 15 tháng 10 năm 2026: Ban Nhân dân các ấp tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn ấp, gửi báo cáo về Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (thông qua phòng Kinh tế) để tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

b) Trước ngày 15 tháng 11 năm 2026: Ban Nhân dân các ấp báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ trên địa bàn ấp gửi về Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (thông qua phòng Kinh tế) gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước; kèm các biên bản họp, mẫu phiếu rà soát.

2.2. Đối với cấp xã

a) Trước ngày 05 tháng 11 năm 2026: Ủy ban nhân dân xã tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

b) Trước ngày 01 tháng 12 năm 2026: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước.

c) Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống **https://csdlhn.mae.gov.vn.**

3. Mẫu, biểu tổng hợp

a) Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm và rà soát trong năm:

- Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: theo Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030: theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BNNMT.

b) Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm 2026:

- Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: theo Mẫu số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH và Mẫu số 7.8, 7.9, 7.10, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030: theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BNNMT.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (tiểu dự án 2 của dự án 7: giám sát, đánh giá) giai đoạn 2021-2025 chuyển nguồn sang năm 2026; kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo của xã

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ đơn vị và bảng phân công của BCĐ rà soát hộ nghèo, cận nghèo xã tổ chức thực hiện, đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện rà soát ở địa phương.

- Các tổ chức chính trị xã hội chủ động, phối hợp với các ngành, UBND xã tuyên truyền, vận động nhân dân và các hội viên tham gia thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã năm 2026.

- Triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã năm 2026.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động

phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã theo đúng quy trình và đúng thời gian quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp số lượng, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm báo cáo UBND xã (đối với rà soát thường xuyên).

- Cung cấp các biểu mẫu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 đảm bảo thống nhất kịp thời.

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Ủy ban nhân dân xã quyết định công bố chính thức kết quả rà soát, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định, phối hợp Tài chính xã có ý kiến để trình cấp thẩm quyền quyết định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2027 theo quy định.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống **https://csdlhn.mae.gov.vn.**

3. Phòng Văn hóa – Xã hội và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung, tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân trên địa bàn xã.

- Công khai kết quả rà soát tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội Đoàn thể xã

- Tham gia phối hợp tuyên truyền về kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026.

- Giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 và báo cáo về Ban Chỉ đạo xã.

5. Ban Nhân dân các ấp

- Tiếp nhận giấy đề nghị của hộ dân về xác định hộ nghèo, cận nghèo và hộ đề nghị thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn ấp.

- Cùng với điều tra viên đến hộ gia đình trong quá trình khảo sát, chấm điểm đối với các hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo và các hộ dự kiến phát sinh mới và theo mẫu biểu rà soát đúng quy định, lập danh sách và sau khi tổng hợp xong Ban ấp họp để lấy ý kiến thống nhất kết quả rà soát, rồi niêm yết công khai tại Ban ấp.

- Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát, trong đó lưu ý các nội dung sau:

+ Thành phần tham dự: Ban Chỉ đạo rà soát xã; cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo; Trưởng ấp (chủ trì cuộc họp); Bí thư Chi bộ; đại diện các đoàn thể; điều tra viên; đại diện các hộ gia đình thuộc diện rà soát và một số hộ gia đình khác; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tham dự, giám sát.

+ Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự về kết quả đánh giá, chấm điểm các hộ gia đình được rà soát, tập trung vào các trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Trường hợp tỷ lệ thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định.

+ Biên bản cuộc họp: Kết quả cuộc họp được thành lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký và đại diện các hộ tham dự; 01 bản lưu tại ấp, 01 bản lưu tại Ban Chỉ đạo rà soát xã.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức, phối hợp thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Ủy ban nhân dân xã *(thông qua Phòng Kinh tế xã)*, để được hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét giải quyết theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TT. Đảng ủy (để b/c);
- TT. HĐND xã (để b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thành viên Ban Chỉ đạo;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các ban, ngành xã;
- Lãnh đạo VP. HĐND-UBND xã;
- Lãnh đạo Phòng VH-XH xã;
- Lãnh đạo Trung tâm DVTH xã;
- Lãnh đạo Phòng Kinh tế;
- Các ấp;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Hòa Lắm